

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng;
Trợ giúp pháp lý; Quốc tịch; Phổ biến, giáo dục pháp luật
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-BTP ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2009/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định 2358/QĐ-BTP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 08/TTr-STP, Tờ trình số 09/TTr-STP, Tờ trình số 10/TTr-STP và Tờ trình số 11/TTr-STP ngày 21 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Công chứng; Trợ giúp pháp lý; Quốc tịch; Phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi

chức năng quản lý của Sở Tư pháp theo Quyết định số 1980/QĐ-BTP ngày 28 tháng 6 năm 2025, Quyết định số 2006/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025, Quyết định số 2009/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 2. Sở Tư pháp có trách nhiệm rà soát, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, C3, PVHCC *xt*



**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

DANH MỤC 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG; QUỐC TỊCH; PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT; TRỢ GIÚP PHÁP LÝ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (15 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
I. Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2009/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp									
Lĩnh vực Công chứng									
1	Bổ nhiệm công chứng viên 1.013803.H21	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.							
2	Bổ nhiệm lại công chứng viên 1.013804	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trong trường	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà	Có	Toàn trình	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn,	Phí: 500.000 đồng/hồ sơ. (Thu tại thời điểm nộp hồ sơ)	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày	Sở Tư pháp, Ủy ban nhân

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		hợp cần thiết thì tiến hành xác minh tính hợp pháp của hồ sơ, thời hạn xác minh hồ sơ không quá 15 ngày làm việc và có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm lại công chứng viên kèm theo hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại đối với những trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp kèm theo hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm lại công chứng viên; trường hợp từ	Trung, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn			mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.		11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	dân tỉnh

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do cho Sở Tư pháp và người đề nghị bổ nhiệm lại công chứng viên. Người yêu cầu nhận kết quả tại Sở Tư pháp nơi mình nộp hồ sơ.							
3	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) 1.013805.H21	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản đề nghị miễn nhiệm công chứng viên, trong đó nêu rõ quá trình hành nghề của công chứng viên và đề xuất của Sở Tư pháp, kèm theo hồ sơ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ cho	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		rằng công chứng viên thuộc trường hợp bị miễn nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Công chứng, Sở Tư pháp nơi đề nghị bổ nhiệm hoặc nơi công chứng viên đang hành nghề hoặc nơi công chứng viên hành nghề cuối cùng có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm công chứng viên, kèm theo các tài liệu liên quan làm căn cứ cho việc đề nghị miễn nhiệm. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc miễn nhiệm công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo							

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
		bằng văn bản có nêu rõ lý do. Trường hợp thông tin trong hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chưa đầy đủ, chưa thống nhất hoặc cần xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu Sở Tư pháp bổ sung, làm rõ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh thông tin trong hồ sơ. Thời hạn quy định tại khoản này được tính từ ngày chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhận được kết quả bổ sung, làm rõ hoặc xác minh thông tin. Việc xác minh tính hợp pháp của hồ sơ thực hiện không quá 20 ngày làm việc.							

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
4	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài 1.013806.H21	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Thành phần hồ sơ; - Mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Công chứng số 46/2024/QH15; - Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh

II. Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2006/QĐ-BTP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý

1	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý 2.000587.000.00.00.H21	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường	Có	Một phần	- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ	-	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày	-
---	--	--	--	----	----------	---	---	---	---

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn			pháp lý.		15/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
2	Thủ tục cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý 2.000518.000.00.00.H21	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Một phần	- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. – Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
3	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý 2.000829.000.00.00.H21	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, người tiếp nhận yêu cầu phải kiểm tra các nội dung có liên quan đến yêu cầu trợ giúp pháp lý và trả lời ngay cho người yêu cầu về việc hồ sơ đủ điều kiện để thụ lý hoặc phải bổ sung giấy tờ, tài liệu có liên quan.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:	Có	Một phần	- Thành phần hồ sơ; - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 03/2021/TT-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			http://dichvucong.gov.vn					BTP ngày 25/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
4	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý 2.001680.000.00.00.H21	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 11/2025/TT-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
5	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý 2.001687.000.00.00.H21	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. – Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
6	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý 2.000592.000.00.00.H21	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại; - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 10/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
								- Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	

III. Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2358/QĐ-BTP ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

Lĩnh vực Quốc tịch

1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam 2.001895.000.00.00.H21	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền là: 53 ngày đối với hồ sơ xác minh thông thường hoặc 68 ngày đối với hồ sơ xác minh phức tạp.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Căn cứ pháp lý; - Thời gian thực hiện.	Phí: - Nếu nộp hồ sơ tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài: 20 USD - Nếu nộp hồ sơ tại Sở Tư pháp: 100.000 đồng. Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số	-
---	---	--	--	----	------------	--	--	---	---

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
							của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư. (Thu tại thời điểm nộp hồ sơ)	281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam 2.002039.000.00.00.H21	105 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai (Nơi người đó cư trú, không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ). - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	-	-	- Trình tự thực hiện; - Căn cứ pháp lý; - Thời gian thực hiện.	Lệ phí: 3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật số 79/2025/QH15 ngày 24/6/2025 - Nghị định số 191/2025/ NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Sở Tư pháp và Bộ Tư pháp

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
							miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó) + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú. (Thu tại thời điểm nộp hồ sơ)		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước 2.002038.000.00.00.H21	85 ngày	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Căn cứ pháp lý.	Lệ phí: 2.500.000 đồng. Miễn lệ phí đối với người mất quốc tịch xin trở lại quốc tịch Việt Nam mà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú. (Thu tại thời điểm nộp hồ sơ)	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật số 79/2025/QH15 ngày 24/6/2025 - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài.	Sở Tư pháp và Bộ Tư pháp
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước 2.002036.000.00.00.H21	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện;	Lệ phí: 2.500.000 đồng.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật số	Sở Tư pháp và Bộ

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
			chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai (Nơi người đó cư trú, không uỷ quyền cho người khác nộp hồ sơ). - Trực tuyến: tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn			- Căn cứ pháp lý.	(Thu tại thời điểm nộp hồ sơ)	79/2025/QH15 ngày 24/6/2025 - Nghị định số 191/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 12/2025/TT-BTP ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Tư pháp
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước 1.005136.000.00.00.H21	Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: 18 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; 53 ngày làm việc đối với trường hợp	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính cấp tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh	Có	Toàn trình	- Trình tự thực hiện; - Căn cứ pháp lý;	Phí: 100.000 đồng Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Luật số 79/2025/QH15 ngày 24/6/2025 - Nghị định số 191/2025/NĐ-	-

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ BỊ BÃI BỎ (02 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC trực tuyến	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	Mã số TTHC		
Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật			
Thủ tục hành chính bị bãi bỏ theo Quyết định số 1980/QĐ-BTP ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp			
1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật 2.001457.000.00.00.H21	Toàn trình	Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật 2.001449.000.00.00.H21	Toàn trình	Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
Tổng cộng : 02 TTHC			